TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/LĐ- ST
Ngày: 24/7/2023
V/v: Tranh chấp về bảo hiểm xã hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Hồng Vân
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Minh
2. Bà Đỗ Thị Vân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án thụ lý số 15/2023/TLST - LĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS ngày 28/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1992;
Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
Bị đơn: Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ
Địa chỉ trụ sở: Đường Nguyễn Tất Thành, phường Tân Dân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Quốc T2, sinh năm 1974
Chức vụ: Trưởng phòng Quản lý thu – sổ, thẻ;
Địa chỉ: Đường Nguyễn Tất Thành, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Theo quyết định ủy quyền về việc ủy quyền tham gia tố tụng số 68/2023/QĐ-UQ ngày 01 tháng 4 năm 2023
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1. Chị Nguyễn Thị Hương L1, sinh năm 1994
ĐKHKTT: khu Đỗ S 4, xã Đỗ S, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
2. Công ty TNHH S Việt Nam
Địa chỉ trụ sở: khu Công nghiệp Thụy Vân, Xã Thụy Vân, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Cao C1, sinh năm 1977

Địa chỉ: Phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N1 trình bày:*

Chị N1 có sổ bảo hiểm xã hội số 011101xxxx được cấp vào tháng 7/2010 tại Công ty TNHH HOYA Glassdish VN (Khu CN Bắc Thăng Long – huyện Đông Anh – thành phố Hà Nội) đến hết tháng 3/2013 chị thôi việc. Chị đã được Công ty TNHH HOYA Glassdish VN đóng BHXH đầy đủ. Sau khi nghỉ việc vào tháng 3/2013 thì đến ngày 02/6/2014 chị đã được thanh toán chế độ 01 lần theo quyết định số 194 ngày 02/6/2014 của Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện Phù Ninh.

Trong thời điểm này chị có cho chị Nguyễn Thị Hương L1 là chị gái họ của chị mượn một bộ sơ yếu lý lịch mang tên chị là Nguyễn Thị N1 để xin việc làm tại Công ty TNHH S Việt Nam, có địa chỉ: khu Công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kí kết hợp đồng lao động thì chị Lý đã được công ty S Việt Nam đóng bảo hiểm xã hội vào sổ số 2510013661 (mang tên chị là Nguyễn Thị N1) từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012 theo quy định của pháp luật.

Đến tháng 02/2012 chị Lý nghỉ việc (chị Lý đơn phương chấm dứt hợp đồng) và không tiếp tục đóng bảo hiểm vào sổ bảo hiểm xã hội số 2510013661. Hiện nay, công ty TNHH S Việt Nam và chị Lý đều không còn giữ hợp đồng lao động đã kí kết nên không thể cung cấp cho Tòa án.

Đến tháng 5/2013, chị đi làm tại Công ty TNHH Daeseung Vina và được công ty đóng bảo hiểm vào số sổ bảo hiểm xã hội số 2510013661 (là số sổ chị Lý đã được cấp tại Công ty TNHH S Việt Nam) mang tên Nguyễn Thị N1. Sau đó, chị chuyển việc tại các công ty khác nhau thì đều đóng bảo hiểm vào số sổ trên kể từ đó.

Đến tháng 4/2023, chị đến BHXH huyện Phù Ninh để rút BHXH 01 lần thì được biết là chị có 01 khoảng thời gian đóng trùng BHXH chính là thời điểm chị Hương L1 mượn sơ yếu lý lịch của chị để ký hợp đồng lao động với Công ty S Việt Nam. Vậy BHXH huyện Phù Ninh đã hướng dẫn chị đi đến Tòa án để yêu cầu khởi kiện BHXH tỉnh Phú Thọ đề nghị thoái thu thời gian đóng BHXH từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012.

Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc BHXH tỉnh Phú Thọ thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012 tại sổ bảo hiểm 2510013661 mang tên Nguyễn Thị N1.

Về hợp đồng lao động đã ký kết mang tên Nguyễn Thị N1 trong số sổ bảo hiểm xã hội 2510013661 được cấp tại công ty TNHH S Việt Nam. Chị đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu do có sự lừa dối do vào thời điểm tháng 7/2010 chị Lý đã mượn hồ sơ của chị để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S Việt Nam nhưng thực tế chị không phải người ký kết hợp đồng và làm việc tại Công ty S Việt Nam trong khoảng thời gian đó.

Về số tiền thoái thu, tôi nhất trí với số tiền thoái thu theo sự tính toán của bảo hiểm xã hội với tổng số tiền là 7.712.880 đồng (Bảy triệu bảy trăm mười hai nghìn tám trăm tám mươi nghìn đồng). Tôi cũng nhất trí hoàn trả tiền thoái thu cho người lao động thực tế là chị Nguyễn Thị Hương L1.

Về án phí, chị tự nguyện chịu toàn bộ án phí tranh chấp lao động sơ thẩm, không đề nghị BHXH tỉnh Phú Thọ trả án phí này.

Đối với yêu cầu giữ lại thời gian chị đã đóng bảo hiểm tại sổ số 2510013661 từ tháng 5/2013 đến nay mà chị đã viết trong đơn khởi kiện. Chị đề nghị rút yêu cầu này do khoảng thời gian từ tháng 5/2013 đến nay không liên quan đến việc giải quyết thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội.

Chị Nguyễn Thị N1 đề nghị được xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Lưu Quốc T2 – Trưởng phòng quản lý thu – sổ, thẻ Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ trình bày:*

Qua rà soát bảo hiểm xã hội trên hệ thống, chúng tôi phát hiện trường hợp chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1992 ở Khu 7, xã T, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ có 02 (hai) số sổ bảo hiểm xã hội bị trùng thời gian đóng bảo hiểm từ tháng 07/2010 đến tháng 02/2012:

Số sổ 1: 2510013661 được cấp tại Công ty TNHH S Việt Nam, KCN Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Số sổ 2: 011101xxxx được cấp tại Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam, KCN Thăng Long, xã Võng La, thành phố Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị N1 và chị Nguyễn Thị Hương L1 thừa nhận việc mượn hồ sơ làm phát sinh 02 số sổ bảo hiểm, cụ thể như sau: Chị Nguyễn Thị Hương L1 là chị gái họ của chị Nguyễn Thị N1 đã lấy 01 bộ hồ sơ sơ yếu mang tên Nguyễn Thị N1 để đi xin việc tại Công ty TNHH S Việt Nam. Tháng 7/2010, chị Nguyễn Thị Hương L1 (người mượn hồ sơ) đi làm tại Công ty TNHH S Việt Nam và tham gia BHXH theo mã số 2510013661. Và được Công ty TNHH S Việt Nam đóng bảo hiểm trùng với thời gian tham gia đóng BHXH từ tháng 07/2010 với chị Nguyễn Thị N1 (người cho mượn hồ sơ). Thời điểm đó chị Nguyễn Thị N1 đang làm việc và có tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam, theo mã số 011101xxxx

được cấp tại Công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam, KCN Thăng Long, xã Võng La, thành phố Hà Nội.

Vì vây, người ký kết hợp đồng lao động và làm việc với Công ty TNHH S Việt Nam thực tế là chị Nguyễn Thị Hương L1.

Đối với việc đóng BHXH: Sau khi công ty và người lao động ký kết hợp đồng lao động sẽ gửi hồ sơ, danh sách đóng BHXH của Công ty đến Cơ quan BHXH để làm thủ tục đóng BHXH cho người lao động theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động.

Nay chị N1 khởi kiện Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ yêu cầu buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ thoái thu thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012 tại số sổ bảo hiểm 2510013661 mang tên Nguyễn Thị N1. Ngoài ra, chị N1 đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị N1 và Công ty TNHH S Việt Nam là vô hiệu do có sự lừa dối.

Quan điểm của Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ với yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Nguyễn Thị N1 như sau:

Để đảm bảo quyền lợi cho bà Nguyễn Thị N1 đề nghị Tòa án tuyên quyền lợi và nghĩa vụ của các bên như sau:

1) Hợp đồng lao động mang tên Nguyễn Thị N1, sinh ngày 06/02/1992, số sổ BHXH 2510013661 được cấp tại Công ty TNHH S Việt Nam là vô hiệu do có sự lừa dối.

2) Để đảm bảo quyền lợi cho chị Nguyễn Thị N1 đề nghị và yêu cầu cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ: Thoái thu thời gian tham gia BHXH của mã số BHXH 2510013661, mang tên Nguyễn Thị N1 từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012 tại Công ty TNHH S Việt Nam, với tổng số tiền là: 7.712.880 đồng (Bảy triệu bảy mươi hai nghìn tám trăm tám mươi nghìn đồng) theo quy định của pháp luật

Ngoài ra, do điều kiện công việc nên Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ đề nghị Tòa án được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa xét xử vụ án.Yêu cầu Tòa án gửi bản án cho ông qua đường bưu điện.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hương L1 trình bày:*

Tháng 7/2010, chị có mượn em gái họ chị là chị Nguyễn Thị N1 01 bộ sơ yếu lý lịch mang tên Nguyễn Thị N1 để đi xin việc làm tại Công ty TNHH S Việt Nam tại khu Công nghiệp Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kí kết hợp đồng lao động thì chị đã được công ty S Việt Nam đóng bảo hiểm xã hội vào sổ số 2510013661 (mang tên Nguyễn Thị N1) từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012 theo quy định của pháp luật. Tháng 02/2012 chị nghỉ việc và không tiếp tục đóng bảo hiểm vào sổ bảo hiểm xã hội số 2510013661. Hiện nay

chị không còn giữ hợp đồng lao động công ty S Việt Nam nên không thể cung cấp. Sổ bảo hiểm xã hội số 2510013661 mang tên chị Nguyễn Thị N1 sau đó đã được chị N1 rút tại Công ty TNHH S Việt Nam.

Nay chị N1 khởi kiện đến Tòa án buộc bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm từ tháng 7/2010 đến tháng 2/2012 tại sổ bảo hiểm số 2510013661 mang tên Nguyễn Thị N1 thì chị đồng ý. Thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội là do chị đã mượn chị N1 sơ để kí kết hợp đồng lao động với Công ty S Việt Nam nhưng thực tế chị N1 không phải là người kí kết và làm việc tại Công ty S Việt Nam trong khoảng thời gian đó.

Về hợp đồng lao động đã ký kết mang tên Nguyễn Thị N1 trong số sổ bảo hiểm xã hội 2510013661 được cấp tại công ty TNHH S Việt Nam. Quan điểm của chị N1 đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng vô hiệu do có sự lừa dối thì chị đồng ý. Nguyên nhân là do chị đã mượn chị N1 hồ sơ để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S Việt Nam nhưng thực tế chị N1 không phải người ký kết hợp đồng và làm việc tại công ty TNHH S Việt Nam.

Về số tiền thoái thu, chị nhất trí với số tiền thoái thu theo sự tính toán của bảo hiểm xã hội với tổng số tiền là 7.712.880 đồng (Bảy triệu bảy trăm mười hai nghìn tám trăm tám mươi nghìn đồng). Chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với đề nghị rút yêu cầu giữ lại khoảng thời gian từ tháng 5/2013 đến nay của chị N1 thì chị đồng ý do không liên quan đến việc giải quyết thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội.

** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S Việt Nam: ông Ngô Cao C1 trình bày:*

Tháng 07/2010 Công ty TNHH S Việt Nam (Sau đây gọi tắt là: Công ty S) có ký hợp đồng lao động với chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1992 theo đúng quy định pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty đã tiến hành đóng BHXH cho chị N1 theo quy định của pháp luật theo số sổ bảo hiểm số 2510013661. Đến tháng 02/2012 chị N1 thôi việc (đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động).

Sau khi chị N1 khởi kiện và được Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì thông báo đến làm việc, Công ty TNHH S mới được biết: Vào thời điểm tháng 7/2010, Chị Nguyễn Thị Hương L1, sinh năm 1994 là chị gái họ của chị N1 đã lấy 01 bộ hồ sơ của chị Nguyễn Thị N1 để xin vào làm việc tại Công ty S Việt Nam. Thời điểm đó chị N1 đang làm tại Công ty TNHH HOYA Glassdish VN (Khu CN Bắc Thăng Long – huyện Đông Anh – thành phố Hà Nội). Vì vậy, người ký kết hợp đồng lao động và làm việc với Công ty TNHH S Việt Nam thực tế là chị Nguyễn Thị Hương L1.

Nay chị N1 khởi kiện Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH S Việt Nam và chị Nguyễn Thị N1 là vô hiệu do có sự lừa dối và yêu cầu buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ thoái thu thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012 tại số sổ bảo hiểm 2510013661 mang tên Nguyễn Thị N1.

Quan điểm của Công ty với yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Nguyễn Thị N1, để đảm bảo quyền lợi cho bà Nguyễn Thị N1 và công ty TNHH S Việt Nam đề nghị Tòa án:

1) Tuyên bố hợp đồng lao động mang tên Nguyễn Thị N1, sinh ngày 06/02/1992, trong số sổ BHXH 2510013661 được cấp tại Công ty TNHH S Việt Nam là vô hiệu do có sự lừa dối.

2) Đề nghị và yêu cầu cơ quan Bảo hiểm: Thoái thu thời gia đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 07/2010 đến tháng 02/2012, đảm bảo quyền lợi cho Công ty TNHH S Việt Nam cũng như các đương sự khác.

Hiện nay hồ sơ xin việc của công nhân thời điểm năm 2007-2010 Công ty không còn lưu giữ nên không cung cấp cho Tòa án hợp đồng lao động được. Tuy nhiên trên hệ thống quản lý của Công ty chỉ còn danh sách lao động ký hợp đồng tháng 7/2010 thì thể hiện chị Nguyễn Thị N1 sinh ngày 06/02/1992 có số hợp đồng lao động 10-682; ngày ký hợp đồng Lao động 10/7/2010. Nên Công ty đồng ý tuyên bố hợp đồng lao động số có số hợp đồng lao động 10-682; ngày ký hợp đồng Lao động 10/7/2010 là vô hiệu.

Ông Ngô Cao C1 đề nghị được vắng mặt trong tất các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử của Tòa án. Yêu cầu Tòa án gửi bản án cho ông qua đường bưu điện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì tuyên bố hợp đồng lao động số 10-682 ký ngày 10/7/2010 giữa chị với Công ty TNHH S Việt Nam là vô hiệu; buộc Bảo hiểm xã hôi tỉnh Phú Thọ thoái thu thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội của chị từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012 tại số sổ bảo hiểm 2510013661 mang tên Nguyễn Thị N1 tại Công ty TNHH S Việt Nam khu Công nghiệp Thụy Vân. Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N1 là tranh chấp lao động

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

[1.2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của cho các đương sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Hương L1 đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Chị N1, chị Lý, Công ty TNHH S Việt Nam do ông Ngô Cao C1 đại diện theo ủy quyền và đại diện theo ủy quyền của BHXH tỉnh Phú Thọ ông Lưu Quốc T2 đều đề nghị được xét xử vắng mặt và đã có lời khai thể hiện quan điểm của mình nên căn cứ vào khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị N1, chị Lý, Công ty TNHH S Việt Nam và Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ. Do Tòa án không tiến hành việc thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 02/2016/TTLT – VKSNDTC – TANDTC ngày 31/8/2016 quy định việc phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị N1 đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động số 10-682 ngày 10/7/2010 ký kết giữa chị Nguyễn Thị N1 (do chị Nguyễn Thị Hương L1 ký kết) là vô hiệu. Xét thấy: chủ sử dụng lao động là Công ty TNHH S Việt Nam khu Công nghiệp Thụy Vân là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân được tuyển dụng theo đúng quy định của Bộ luật lao động. Công ty TNHH S Việt Nam khu Công nghiệp Thụy Vân là người sử dụng lao động có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có quyền ký kết hợp đồng lao động, trong đó người lao động là chị Nguyễn Thị Hương L1 đã lấy hồ sơ của chị Nguyễn Thị N1 để tham gia giao kết hợp đồng, không trung thực và lừa dối trong việc cung cấp thông tin và hồ sơ cá nhân cho Công ty TNHH S Việt Nam khu Công nghiệp Thụy Vân nên đã vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng, không đúng chủ thể tham gia ký kết hợp đồng theo quy định tại Điều 389, Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994. Vì vậy yêu cầu của chị Nguyễn Thị N1 đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động số 10-682 ngày 10/7/2010 ký kết giữa Công ty TNHH S Việt Nam khu Công nghiệp Thụy Vân với chị Nguyễn Thị N1 (do chị Nguyễn Thị Hương L1 ký) là vô hiệu là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

- Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị N1 về việc yêu cầu BHXH tỉnh Phú Thọ thoái thu số tiền đóng trùng bảo hiểm của chị từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012 tại số sổ bảo hiểm số sổ bảo hiểm xã hội 2510013661 mang tên Nguyễn Thị N1 tại Công ty TNHH S Việt Nam khu Công nghiệp Thụy Vân, HĐXX xét thấy: Căn cứ lời khai của chị Nguyễn Thị N1, lời khai của chị Nguyễn Thị

Hương L1 thời điểm từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012, người thực tế làm việc tại Công ty TNHH S Việt Nam khu Công nghiệp Thụy Vân là chị Nguyễn Thị Hương L1, sinh ngày 18/01/1994, CCCD số 025194003177. Nhưng Công ty TNHH S Việt Nam lại đóng BHXH cho chị Nguyễn Thị N1, sinh ngày 06/02/1992, CCCD số 025192006636. Thực tế từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012, chị Nguyễn Thị N1 đang làm việc tại Công ty TNHH HOYA Glassdish VN (Khu CN Bắc Thăng Long – huyện Đông Anh – thành phố Hà Nội và cũng được Công ty TNHH HOYA Glassdish VN đóng bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm 011101xxxx. Chính việc này dẫn đến hệ quả là chị Nguyễn Thị N1 có khoảng thời gian đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012 tại số sổ bảo hiểm 2510013661 mang tên Nguyễn Thị N1.

Hiện nay Công ty TNHH S Việt Nam khu Công nghiệp Thụy Vân, BHXH tỉnh Phú Thọ và chị Nguyễn Thị Hương L1 không lưu giữ hợp đồng lao động giao kết giữa Công ty TNHH S Việt Nam và chị Nguyễn Thị N1 nhưng căn cứ Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, thời điểm chị Nguyễn Thị Hương L1 lấy tên của chị Nguyễn Thị N1 để làm việc tại Công ty TNHH S Việt Nam giữa hai bên phải có hợp đồng lao động thì Công ty TNHH S Việt Nam mới làm thủ tục đóng bảo hiểm xã hội cho chị Nguyễn Thị N1. Mặt khác cùng thời điểm 7/2010 đến tháng 02/2012, chị Nguyễn Thị N1 đang làm việc tại Công ty TNHH HOYA Glassdish VN (Khu CN Bắc Thăng Long – huyện Đông Anh – thành phố Hà Nội và cũng được Công ty trên đóng bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là 011101xxxx. Chị Nguyễn Thị N1 khẳng định chưa bao giờ làm việc tại Công ty TNHH S Việt Nam vì thế có căn cứ xác định người thực tế giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH S Việt Nam từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012 không phải là chị Nguyễn Thị N1 mà là chị Nguyễn Thị Hương L1. Do đó hợp đồng lao động giao kết giữa chị Nguyễn Thị N1 và Công ty TNHH S Việt Nam từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012 vô hiệu do có sự lừa dối vì không đúng chủ thể giao kết hợp đồng. Hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu là chị Nguyễn Thị N1 có khoảng thời gian bị đóng trùng BHXH từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012 tại số sổ bảo hiểm 2510013661 mang tên Nguyễn Thị N1. Việc đóng trùng BHXH ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị N1 khi tham gia Bảo hiểm xã hội nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N1 về việc yêu cầu BHXH tỉnh Phú Thọ thoái thu số tiền đóng trùng bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012 tại số sổ bảo hiểm 2510013661 mang tên Nguyễn Thị N1.

Đối với số tiền thoái thu bảo hiểm **7.712.880 đồng** *(Bảy triệu bảy trăm mười hai nghìn tám trăm tám mươi nghìn đồng)* chị N1 yêu cầu trả cho chị Nguyễn Thị Hương L1, xét thấy là phù hợp cần chấp nhận.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị N1 tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí sơ thẩm và không yêu cầu Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ phải chịu án phí sơ thẩm. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N1 nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 149; Điều 401; 402 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 30 Bộ Luật lao động năm 1994, Điều 2 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, Điều 132, 137, 389 Bộ luật dân sự 2005, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N1.

- Tuyên bố hợp đồng lao động số 10-682 ngày 10/7/2010 được ký kết giữa Công ty TNHH S Việt Nam khu Công nghiệp Thụy Vân với chị Nguyễn Thị N1 (do chị Lý mượn hồ sơ để ký hợp đồng) là vô hiệu toàn bộ.

- Buộc Bảo hiểm xã hội tỉnh Phú Thọ thoái thu thời gian đóng bảo hiểm xã hội của chị Nguyễn Thị N1 tại Công ty TNHH S Việt Nam khu Công nghiệp Thụy Vân từ tháng 7/2010 đến tháng 02/2012 tại số sổ bảo hiểm 2510013661 với số tiền là: 7.712.880 đồng (Bảy triệu bảy trăm mười hai nghìn tám trăm tám mươi nghìn đồng) trả cho chị Nguyễn Thị Hương L1.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N1 tự nguyện chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí lao động sơ thẩm. Xác nhận chị N1 đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000176 ngày 17/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phốViệt Trì.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Việt Trì;
- Chi cục THA DS tp Việt Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Hồng Vân